

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 09-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Thành L, sinh ngày 29-5-1988; tại Hải Phòng, ĐKTT: Thôn 5, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20-5-2010, Tòa án nhân dân huyện V, TP Hải Phòng xử 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 18/2010/HSST); ngày 18-4-2012, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng xử 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (theo bản án số 21/2012/HSST); ngày 24-12-2015, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương xử 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 55/2015/HSST); bị tạm giam ngày 26-3-2020, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng

Ông Nguyễn Hữu D; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Nguyễn Cao D; vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Văn Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Vũ Văn L; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Bùi Văn T; vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Phạm Văn T; có mặt tại phiên tòa.

Bà Dương Thị X; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28 -12-20019, Công an phường N nhận được đơn trình báo của ông Nguyễn Đức T về việc gia đình ông bị mất trộm 01 con chó phốc và 01 cây tùng cảnh khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày.

Khoảng 2 giờ 40 phút ngày 29-12-2019, tổ công tác Công an phường N đang tiến hành tuần tra phát hiện Vũ Thành L có nhiều biểu hiện ghi vẩn. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác phát hiện Vũ Thành L tàng trữ nhiều vận dụng phục vụ cho việc trộm cắp tài sản. Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ: 01 vạm phá khóa , 03 kim cắt, 04 cờ lê, 01 tô vít, 02 thanh sắt có đầu bẻ cong chữ V, 01 ba lô, 01 thuổng và 01 xe máy BKS 15C1-329.89.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận: Khoảng 02 giờ ngày 28-12-2019, bị cáo điều khiển xe máy BKS 15C1-329.89 đi từ nhà sang K, Hải Phòng với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực tổ K, phường N quận K, bị cáo phát hiện tại nhà ông Nguyễn Đức T có 01 cây tùng trồng trong chậu, bị cáo dùng thuổng mang theo đào cây tùng rồi đặt lên phía sau xe. Cùng lúc bị cáo nghe tiếng chó sủa, bị cáo chui qua hàng rào B40, tiến lại gần thì thấy 01 con chó phốc bị xích ở cột. Bị cáo tháo xích rồi bê con chó về phía xe máy, bị cáo đặt con chó lên phần vông xe. Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo cất giấu con chó phốc tại nhà bị cáo ở thôn C, huyện A, thành phố Hải Phòng, cây tùng cảnh bị cáo gửi ở lán nhà anh rể Nguyễn Hữu D, khi gửi bị cáo không nói cho anh D biết tài sản do trộm cắp mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐG ngày 04-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: *01 con chó phốc và 01 cây tùng la hán tại thời điểm ngày 28-12-2019 có trị giá là: 6.500.000 đồng.*

Tại Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKA ngày 14-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K truy tố bị cáo Vũ Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 con chó phốc và 01 cây tùng la hán cho bị hại Nguyễn Đức T;

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 15C1-329.89 thuộc sở hữu hợp pháp của bà

Dương Thị Xuê, là hàng xóm của bị cáo, bà Xuê cho bị cáo mượn và không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, Cơ quan Điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Dương Thị Xuê.

Đối với 01 vạm phá khóa, 03 kim cắt, 04 cờ lê, 01 tô vít, 02 thanh sắt có đầu bẻ cong chữ V, 01 ba lô, 01 thuổng là phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 17/CT-VKSKA ngày 14-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Văn Luân phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thành L mức án tù 24-30 tháng tù; về dân sự: Không; vật chứng: Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiêu hủy 01 vạm phá khóa, 03 kim cắt, 04 cờ lê, 01 tô vít, 02 thanh sắt có đầu bẻ cong chữ V, 01 ba lô, 01 thuổng; bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã dùng những đồ vật chuẩn bị từ trước thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó phốc và 01 cây tùng la hán có tổng trị giá là: 6.500.000 của nhà anh Nguyễn Đức T tại tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, vào ngày 28-12-2019, đồng, hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thành L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần xử lý nghiêm.

[4] Tiền án, tiền sự: Không

[5] Nhân thân: Ngày 20-5-2010, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng xử 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 18-4-2012, Tòa án nhân dân quận H, TP Hải Phòng xử 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 24-12-2015, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương xử 27 tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản” các tiền án này đã được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, cần tiếp tục giam bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự),

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đức T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với 01 con chó phốc và 01 cây tùng la hán, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa, 03 kim cắt, 04 cờ lê, 01 tô vít, 02 thanh sắt có đầu bẻ cong chữ V, 01 ba lô, 01 thuổng là phương tiện phạm tội (điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự).

Cơ quan Điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 con chó phốc và 01 cây tùng la hán cho bị hại Nguyễn Đức T.

Tại phiên tòa bà Dương Thị X khai: Chiếc xe mô tô BKS 15C1-329.89 thuộc sở hữu hợp pháp của bà Dương Thị X, bà là hàng xóm của bị cáo, bà X cho bị cáo mượn và không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, Cơ quan Điều tra Công an quận K, thành phố Hải Phòng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Dương Thị X là phù hợp pháp luật.

[10] Lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[11] Án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Thành L** 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 26-3-2020.

Hình phạt bổ sung: Không.

Dân sự: Không.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa, 03 kim cắt, 04 cờ lê, 01 tô vít, 02 thanh sắt có đầu bẻ cong chữ V, 01 ba lô, 01 thuổng (Biên bản bàn giao vật chứng ngày 02-6-2020).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận K;
- Cơ quan THAHS, Công an quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Nhân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của

pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)